

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ĐỌC MỞ RỘNG Ở MỘT SỐ TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Ngọc Uyên, Bùi Công Trường, Võ Thị Hạnh Nguyên, Đinh Hương Minh, Nguyễn Thị Phương Giang
Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Xác định đối tượng nghiên cứu là hoạt động đọc mở rộng cho học sinh trung học cơ sở, chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu và điều tra bằng bảng hỏi để xác định cơ sở lý luận của việc thực hiện hoạt động này. Từ đó, tác giả khảo sát thực trạng tổ chức hoạt động đọc mở rộng dành cho học sinh ở một số trường trung học cơ sở để góp phần xây dựng cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất biện pháp hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả cho hoạt động này.

Từ khóa: mô hình dạy đọc, đọc mở rộng, kỹ năng đọc

CURRENT STATUS OF ORGANIZING EXTENDED READING ACTIVITIES IN SOME SECONDARY SCHOOLS IN HO CHI MINH CITY

Nguyen Ngoc Uyen, Bui Cong Truong, Vo Thi Hanh Nguyen, Dinh Huong Minh,
Nguyen Thi Phuong Giang
Faculty of Literature, Ho Chi Minh City University of Education

Abstract: Determining the research object as extensive reading activities for junior high school students, we mainly used the method of document research and questionnaire survey to determine the theoretical basis for implementing this activity. From there, we surveyed the current situation of organizing extensive reading activities for students in some junior high schools to contribute to building a practical basis for proposing support measures to improve the effectiveness of this activity.

Keywords: models of reading teaching, extensive reading, reading skills.

Nhận bài: 23/05/2025

Phản biện: 18/06/2025

Duyệt đăng: 23/06/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nếu việc đọc VB (VB) trong sách giáo khoa (SGK) liên quan mật thiết đến nhiều hoạt động có tính chuyên môn khác thì việc đọc mở rộng (ĐMR) cho phép giáo viên (GV) và học sinh (HS) một biên độ khá rộng với sự chủ động, tự do đáng kể. Đặt HS vào vị trí trung tâm của hoạt động học nói chung và việc ĐMR nói chung, xem HS vừa là chủ thể vừa là mục đích của quá trình đó đã giúp cho tiềm năng của mỗi HS được phát triển tối ưu, góp phần có hiệu quả vào việc gắn học tập với thực tiễn. Đây cũng chính là lí do khiến tác giả lựa chọn đối tượng này để thực hiện nghiên cứu.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1 Khái quát về ĐMR và tổ chức hoạt động ĐMR

2.1.1 Khái quát về ĐMR

Khái niệm

Dựa trên quan điểm của Harold Palmer (1968) và Michael West (1955), ĐMR là đọc số lượng lớn với mục đích hiểu biết tổng thể về VB cũng như rèn luyện thêm về kỹ năng đọc. Qua đó, người đọc quan tâm đến ý nghĩa của VB hơn là ý nghĩa của từng từ hoặc câu riêng lẻ. Như vậy, có thể hiểu ngắn gọn ĐMR là hoạt động tạo cho người đọc/HS cơ hội tự tìm thêm sách để đọc theo sở thích của bản thân với sự hướng dẫn, hỗ trợ và kiểm tra của GV.

Đặc điểm

Khái niệm ĐMR như là một sự phân biệt với việc đọc chuyên sâu – vốn đề cập đến việc đọc cẩn thận các VB ngắn hơn, khó hơn với mục tiêu hiểu được đầy đủ và chi tiết VB, gắn liền với việc dạy các kỹ năng thành phần của việc đọc. Do vậy, việc ĐMR sẽ hướng nhiều đến sự tự do nhất định cho người đọc về việc lựa chọn tài liệu đọc, cách đọc, hình thức đọc.

Vai trò

Cải thiện vốn từ vựng: Nghiên cứu cho thấy để cải thiện vốn từ vựng hiệu quả, một người phải đọc nhiều, quan trọng hơn là tìm hiểu nghĩa của từ trong những ngữ cảnh khác nhau. Nếu chỉ đơn giản học từ trong một danh sách từ vựng không thể nào đủ để hiểu toàn bộ nghĩa và cách sử dụng của một từ hay áp dụng từ đó vào khả năng giao tiếp của riêng mình. Cách tốt nhất để tăng vốn từ mới là gặp từ đó một vài lần trong những ngữ cảnh khác nhau thông qua việc ĐMR.

Cải thiện và phát triển kỹ năng đọc: Cách duy nhất để cải thiện kỹ năng đọc là phải luyện tập thường xuyên bằng cách mở rộng việc đọc. Bằng cách tìm đọc sách theo sở thích trong thời gian rảnh, HS cũng sẽ cải thiện được kỹ năng đọc của mình, có được những trải nghiệm thú vị của việc đọc. Việc này chỉ có thể thực hiện được thông qua hoạt động ĐMR.

Hướng đến việc cải thiện cả 4 kỹ năng giao tiếp: Nhiều ý kiến đồng thuận với quan điểm HS cần đọc nhiều để viết tốt hơn. Do đó không bắt ngờ khi HS thường xuyên ĐMR chính là tăng cơ hội cho việc cải thiện kỹ năng viết, thậm chí với môn ngoại ngữ, kỹ năng nghe và nói cũng sẽ theo đó tốt dần lên.

2.1.2 Tổ chức hoạt động ĐMR

Theo nghiên cứu của Hoàng Thị Mai, có thể khái quát như sau về việc tổ chức hoạt động ĐMR

Mục tiêu, nhiệm vụ: Đáp ứng yêu cầu cần đạt (YCCĐ) về kỹ năng đọc theo thể loại VB được quy định trong Chương trình, đặc biệt là kỹ năng đọc độc lập; được thực hiện thông qua việc hướng dẫn HS thực hành đọc nhiều hơn các VB mới, trong và ngoài giờ trên lớp.

Căn cứ đánh giá kết quả: Theo YCCĐ; đặc biệt là kỹ năng vận dụng tri thức đã học vào việc đọc hiểu (ở một mức độ nhất định) các VB mới, cùng thể loại

Công cụ đánh giá kết quả: Số lượng VB đã lựa chọn và thực hành đọc; kết quả trả lời câu hỏi, bài tập; nhật ký đọc văn, vở bài tập..

VB và số lượng VB: Số lượng VB nhiều; có thể lựa chọn VB có trong Chương trình/SGK hoặc ngoài Chương trình, SGK theo tiêu chí quy định

Thời lượng tiến hành: Chiếm thời lượng ít hoặc được thực hiện ngoài giờ trên lớp.

Vai trò, nhiệm vụ của GV

Lựa chọn và/ hoặc hướng dẫn HS lựa chọn VB đáp ứng các tiêu chí quy định.

Thiết kế Kế hoạch bài dạy (xác định yêu cầu cần đạt, nội dung, PPDH, kiểm tra, đánh giá phù hợp với VB lựa chọn và đặc điểm, nhu cầu nhận thức thẩm mỹ của HS).

Hướng dẫn HS thực hành đọc.

Vai trò, nhiệm vụ của HS

Tham gia lựa chọn VB theo hứng thú, nhu cầu và đáp ứng các tiêu chí quy định; Thực hành đọc hiểu theo sự hướng dẫn và yêu cầu của GV.

Sự tương tác giữa hai đối tượng trong quá trình ĐMR: GV hướng dẫn HS tự thực hành đọc độc lập qua hệ thống câu hỏi, bài tập, phiếu học tập, nhật ký đọc sách..

2.1.3 Một số mô hình có thể sử dụng trong tổ chức hoạt động ĐMR

Như trên đã trình bày, quả thật hoạt động ĐMR cho GV và HS một biên độ khá rộng với sự chủ động, tự do đáng kể. Từ đó, tác giả cơ bản xác định có thể sử dụng các mô hình dạy đọc [3, tr.79 - 101] sau trong việc tổ chức hoạt động ĐMR cho HS:

Mô hình dạy đọc dựa trên sự phản hồi của HS: GV đặt câu hỏi và coi trọng ý kiến trả lời của HS trong cách giải nghĩa VB.

Mô hình dạy đọc theo ba giai đoạn: GV hướng dẫn HS đọc VB; sau đó GV làm việc với từng nhóm/ từng HS để hỗ trợ HS đọc VB khác để luyện tập các kỹ thuật đọc đã được học; cuối cùng HS tự đọc, tự trải nghiệm VB mới và củng cố các kỹ năng đã được học từ hai giai đoạn trước.

Mô hình “Hội thảo đọc”: GV để cho HS tự chọn VB và có thời gian nhất định để đọc VB đó; trong quá trình ấy đóng vai trò giải thích, hướng dẫn, thúc đẩy; cuối cùng HS chia sẻ với nhóm, với lớp về những ghi chép của mình kết quả đọc VB, lắng nghe những đánh giá, góp ý của bạn, trả lời những câu hỏi của bạn để chỉnh sửa, hoàn thiện phần ghi chép của mình.

Mô hình “Câu lạc bộ sách”: HS đọc và viết nhật ký đọc sách/ VB; sau đó thảo luận trong nhóm; cuối cùng là chia sẻ kết quả đọc sách/ VB dưới sự tổ chức của GV

Mô hình “Vòng tròn thảo luận văn chương”: GV cung cấp nhiều VB cho HS lựa chọn và yêu cầu học sinh hình thành nhóm; sau đó GV phân các vai cho HS (người liên hệ, người chứng kiến thể giới nghệ thuật, người vẽ tranh, nhân vật trong bối cảnh, tìm những đặc sắc về nghệ thuật, người sáng tạo), giới thiệu, giải thích rõ các vai sẽ phân công cho HS trải nghiệm và thể hiện qua hệ thống phiếu học tập; GV cho HS một khoảng thời gian để đọc và viết phản hồi, khi tất cả đã đọc và ghi các lưu ý xong, mời các thành viên trong nhóm gặp nhau trong khoảng 10 – 15 phút để HS có một cuộc trò chuyện tự nhiên về cuốn sách đã đọc, trong quá trình cuộc trò chuyện diễn ra; tiếp theo GV sẽ yêu cầu cả lớp tập hợp để cùng chia sẻ và thảo luận; cuối cùng GV yêu cầu các nhóm tự chỉ định một đoạn đọc khác trong sách/ VB cho buổi gặp thứ hai, nhắc HS ghi phản hồi trong và sau khi đọc.

Từ những mô hình này, tiến hành khảo sát thực trạng tổ chức hoạt động ĐMR tại một số trường trung học cơ sở (THCS) trên địa bàn TPHCM.

2.2 Khảo sát thực trạng tổ chức hoạt động ĐMR tại một số trường THCS trên địa bàn TPHCM

2.2.1 Mục đích khảo sát: Nhằm thu thập thông tin về nhận thức của HS về hoạt động ĐMR (tầm quan trọng, vai trò, các yếu tố ảnh hưởng, biện pháp hỗ trợ...).

2.2.2 Đối tượng khảo sát: Gồm 500 HS khối 7

và 8 tại các trường THCS trên địa bàn các quận 3, 11, 12, Bình Tân, Tân Phú, Bình Thạnh, Củ Chi, Gò Vấp, Nhà Bè. Tất cả các HS này đều học bộ SGK Chân trời sáng tạo.

2.2.3 Nội dung khảo sát: Phiếu khảo sát của gồm 5 câu hỏi, chia thành 2 phần

Câu 1 đến câu 3 hỏi về nhận thức của HS đối với hoạt động ĐMR

Câu 4, câu 5 hỏi về đánh giá của HS đối với mức độ sử dụng các mô hình dạy đọc của GV và mức độ phù hợp của các mô hình này đối với hoạt động ĐMR. Xuất phát từ những lo ngại về khả năng tiếp cận của HS với thuật ngữ khoa học giáo dục nên tác giả đã diễn giải các mô

hình đọc VB mà GV bộ môn đã sử dụng (mục 2.1.3) theo hướng tái hiện thành qui trình với những hoạt động cụ thể kèm theo phiếu khảo sát để hỗ trợ HS.

2.2.4 Thang đánh giá: Tác giả sử dụng thang đo 4 bậc, tùy theo nội dung cần đánh giá.

2.2.5 Thời gian khảo sát: Hoạt động khảo sát được tiến hành trong hai tuần cuối của tháng 02/2025.

2.2.6 Kết quả khảo sát (dựa trên 458 phiếu hợp lệ thu về)

Kết quả khảo sát từ câu 1 đến câu 3 (nhận thức của HS đối với hoạt động ĐMR) được thể hiện lần lượt qua các Bảng 1, Bảng 2 và Bảng 3 sau:

Bảng 1. Đánh giá của HS về tầm quan trọng của hoạt động ĐMR

TT	Nội dung	Lượt chọn	ĐTB	HẠNG
1	Không quan trọng	0		3
2	Ít quan trọng	0		3
3	Quan trọng	341	3.25	1
4	Rất quan trọng	117		2

N = 458

Ghi chú: 4 mức đánh giá là

1. Không quan trọng 2. Ít quan trọng 3. Quan trọng 4. Rất quan trọng

Bảng 2. Đánh giá của HS về tầm quan trọng của các vai trò của hoạt động ĐMR

TT	Vai trò	ĐTB	HẠNG
1	Củng cố kĩ năng đọc đã được GV hướng dẫn trong giờ học	3.62	1
2	Phát triển kĩ năng đọc theo loại thể	3.58	2
3	Đa dạng hóa nguồn VB	3.41	3
4	Phát huy tính tích cực, chủ động trong việc lựa chọn VB đọc	3.13	7
5	Tạo điều kiện tìm hiểu những kĩ thuật đọc mới	3.26	4
6	Nâng cao kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đọc	3.17	6
7	Hỗ trợ cho việc làm bài kiểm tra thường xuyên và cuối kì	3.19	5

N = 458

Ghi chú: 4 mức đánh giá là

1. Không quan trọng 2. Ít quan trọng 3. Quan trọng 4. Rất quan trọng

Bảng 3. Đánh giá của HS về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến hoạt động ĐMR

TT	Các yếu tố	ĐTB	HẠNG
1	Vai trò định hướng của GV môn Ngữ văn	3.71	1
2	Số lượng VB trong SGK Ngữ văn	3.63	2
3	Chủ đề các bài học trong SGK Ngữ văn	3.14	6
4	Nội dung phần tri thức Ngữ văn trong từng bài học của SGK	3.66	3
5	Thời lượng học tập dành cho các VB trong SGK Ngữ văn	3.21	4
6	Việc áp dụng nhiều kĩ thuật khác nhau trong quá trình đọc VB trong SGK Ngữ văn	3.26	5

N = 458

Ghi chú: 4 mức đánh giá là

1. Không ảnh hưởng 2. Ít ảnh hưởng 3. Ảnh hưởng 4. Rất ảnh hưởng

Kết quả khảo sát câu 4 và câu 5 (đánh giá của HS đối với mức độ sử dụng các mô hình dạy đọc của GV và mức độ phù hợp của các mô hình này đối với hoạt động ĐMR) được thể hiện lần lượt qua các Bảng 4 và Bảng 5 sau:

Bảng 4. Đánh giá của HS về mức độ sử dụng các mô hình dạy đọc của GV

TT	Cách dạy đọc	ĐTB	HẠNG
1	Mô hình dạy đọc dựa trên sự phản hồi của HS	3.29	4
2	Mô hình dạy đọc theo ba giai đoạn	3.51	1
3	Mô hình “Hội thảo đọc”	3.33	2
4	Mô hình “Câu lạc bộ sách”	3.28	5
5	Mô hình “Vòng tròn thảo luận văn chương”	3.31	3

N = 458

Ghi chú: 4 mức đánh giá là

1. Không sử dụng 2. Ít sử dụng 3. Thường xuyên sử dụng 4. Rất thường xuyên sử dụng

Bảng 5. Đánh giá của HS về mức độ phù hợp của các mô hình dạy đọc đối với hoạt động ĐMR

TT	Cách dạy đọc	ĐTB	HẠNG
1	Mô hình dạy đọc dựa trên sự phản hồi của HS	3.16	5
2	Mô hình dạy đọc theo ba giai đoạn	3.22	4
3	Mô hình “Hội thảo đọc”	3.46	2
4	Mô hình “Câu lạc bộ sách”	3.53	1
5	Mô hình “Vòng tròn thảo luận văn chương”	3.43	3

N = 458

Ghi chú: 4 mức đánh giá là

1. Không phù hợp 2. Ít phù hợp 3. Phù hợp 4. Rất phù hợp

2.3 Nhận xét

2.3.1 Nhận thức của HS về vấn đề ĐMR (nội dung khảo sát trong 3 câu đầu)

Với ĐTB là 3.05, có thể thấy tất cả HS đều khẳng định tầm quan trọng của việc ĐMR. Hệ quả của điều này là HS đều nhận thức được giá trị của ĐMR được thể hiện qua 8 vai trò của hoạt động này (mức ĐTB của câu 2 đều trên mức 3). Tuy vậy, trong các vai trò ấy, HS đã lựa chọn 3 vai trò – củng cố kỹ năng đọc đã được GV hướng dẫn trong giờ học (3.62), phát triển kỹ năng đọc theo loại thể (3.58), đa dạng hóa nguồn VB (3.41) – tương ứng với 3 vị trí quan trọng hàng đầu.

Đánh giá về mức độ ảnh hưởng của một số yếu tố đến hoạt động ĐMR, thống nhất với lựa chọn trong câu 2, HS chọn 3 yếu tố – vai trò định hướng của GV môn Ngữ văn, nội dung phân tri thức Ngữ văn trong từng bài học của SGK, số lượng VB trong SGK Ngữ văn – ở 3 vị trí cao nhất với số ĐTB lần lượt là 3.71, 3.66 và 3.63.

Về việc học các VB thuộc nội dung ĐMR trong SGK, phần đông các ý kiến đánh giá kết quả thực hiện đạt và mức độ hài lòng nằm ở loại Khá. Điều này chứng tỏ hoạt động dạy học tiếp nhận các VB

thuộc nội dung ĐMR trong SGK của GV bộ môn đã được thực hiện khá tốt, trở thành nền tảng quan trọng cho việc HS tiến hành ĐMR ngoài SGK một cách độc lập, chủ động.

2.3.2 Nhận thức của HS về các mô hình dạy đọc ĐMR (nội dung khảo sát ở câu 4 và câu 5)

Nhìn chung, các mô hình dạy đọc này đều đã được GV bộ môn sử dụng thường xuyên trong quá trình dạy học tiếp nhận VB, cả những VB được học chính thức và những VB trong hoạt động ĐMR. Kết quả khảo sát mới tất cả các mô hình đều được đánh giá với ĐTB > 3.00. Kết quả khảo sát cũng phản ánh sự phù hợp giữa phương pháp dạy học và tính chất của VB: với VB học chính thức, GV thường xuyên sử dụng mô hình đọc theo ba giai đoạn thống nhất với cấu trúc SGK; với các VB sử dụng trong hoạt động ĐMR, GV sử dụng thường xuyên mô hình “Câu lạc bộ sách” để có thể phát huy hơn nữa tích tích cực, chủ động của HS.

III. KẾT LUẬN

Cơ sở của nghiên cứu đặt trên những nội dung lí thuyết về vấn đề ĐMR, đặc biệt là những hoạt động nhằm phát huy vai trò của vấn đề này trong việc biến việc đọc VB trở thành nhu cầu tự thân

của HS. Bên cạnh đó, mục tiêu nghiên cứu tập trung và rõ ràng, được thực hiện bằng các PP khoa học cụ thể, có tính tương thích cao với các nhiệm vụ nghiên cứu. Tác giả cũng đã thu thập dữ liệu đủ hỗ trợ cho giải thích và đưa ra các kết luận, phân tích dữ liệu một cách hệ thống với phương pháp toán học và thống kê phù hợp. Tuy nhiên,

mọi nghiên cứu chỉ dừng ở thực trạng chắc chắn chưa thể hoàn kết. Do vậy, tác giả hi vọng kết quả này sẽ được phát triển ở những nghiên cứu tiếp theo nhằm đề xuất được những biện pháp pháp cấp thiết và khả thi để giải quyết vấn đề tổ chức hiệu quả hoạt động ĐMR cho HS, không chỉ dừng lại ở cấp THCS nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*. H: Giáo dục Việt Nam
- [2] Davis, C. Extensive reading: an expensive extravagance?. *English Language Teaching Journal* (1995), 49/4, 329-336
- [3] Hafiz, F. M., & Tudor, I. Extensive reading and the development of language skills. *English Language Teaching Journal* (1989), 43, 4-13
- [4] Hoàng Thị Mai. Dạy học nội dung “Thực hành đọc mở rộng văn bản” theo thể loại trong môn Ngữ văn ở trung học phổ thông. *Tạp chí Giáo dục* (2023), 23(14), 13-17
- [5] Nguyễn Thị Hồng Nam - Dương Thị Hồng Hiếu. (2017). *Giáo trình Phương pháp dạy đọc văn bản*. Đại học Cần Thơ
- [6] Dương Thiệu Tống (2005). *Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục và Tâm lý*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.